

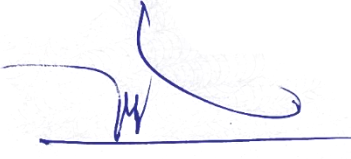
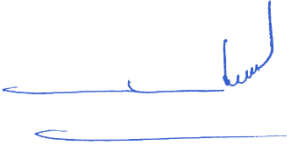



**QUY TRÌNH**  
**KIỂM SOÁT CHUỖI HÀNH TRÌNH**  
**SẢN PHẨM MỦ FM/CoC**

Mã số : QT/KT08  
Ngày BH: 15/5/2024  
Lần BH : 01  
Trang : 1 | 6

**MỤC LỤC**

<b>Mục</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
	Theo dõi sửa đổi	2
I	Mục đích	3
II	Phạm vi áp dụng	3
III	Tài liệu liên quan	3
IV	Định nghĩa/viết tắt	3
V	Nội dung quy trình	4
VI	Phụ lục/Biểu mẫu	5

	<b>Người soạn thảo</b>	<b>Người soát xét</b>	<b>Người phê duyệt</b>
Ngày	10/5/2024	11/5/2024	15/5/2024
Chữ ký			
Họ và tên	<b>Phạm Văn Nam</b>	<b>Đặng Đình Phùng</b>	<b>Nguyễn Đức Hạnh</b>







**QUY TRÌNH**  
**KIỂM SOÁT CHUỖI HÀNH TRÌNH**  
**SẢN PHẨM MỦ FM/CoC**

Mã số : QT/KT08  
Ngày BH: 15/5/2024  
Lần BH : 01  
Trang : 3 | 6

### **I. MỤC ĐÍCH:**

Để nhận dạng, phân biệt và kiểm soát nguồn gốc nguyên liệu mủ từ vườn cây được đăng ký chứng chỉ FSC về Bộ phận tiếp nhận Phòng Quản lý chất lượng và Nhà máy chế biến cao su không bị lẫn với mủ của diện tích được loại trừ của công ty.

### **II. PHẠM VI ÁP DỤNG:**

Quy trình áp dụng cho các Nông trường, Phòng ban công ty và Nhà máy chế biến cao su – trực thuộc Công ty.

### **III. TÀI LIỆU LIÊN QUAN:**

- Quy trình giao nhận mủ ngoài vườn cây QT/KT06.
- Quy trình tiếp nhận, kiểm tra nguyên liệu mủ cao su QT/KP15.

### **IV. VIẾT TẮT:**

CB: Cán bộ

PL/BM: Phụ lục/ Biểu mẫu

KT : Kỹ thuật

QT: Quy trình

SX: Sản xuất

P. KTSX : Phòng Kỹ thuật sản xuất

KCS: Kiểm soát chất lượng sản phẩm

FM: Chứng chỉ rừng FM

FSC: Hội đồng quản lý rừng

FM/CoC: Chứng chỉ cho diện tích đáp ứng yêu cầu của FM (giai đoạn đầu của chuỗi hành trình sản phẩm (CoC))

	<b>QUY TRÌNH</b> <b>KIỂM SOÁT CHUỖI HÀNH TRÌNH</b> <b>SẢN PHẨM MỦ FM/CoC</b>	Mã số : QT/KT08 Ngày BH: 15/5/2024 Lần BH : 01 Trang : 4   6
--	--	---


## V. NỘI DUNG:

TT	Nội dung
1	<b>Phân định rõ diện tích loại trừ và diện tích đăng ký mủ chứng chỉ FSC</b>  1. Đối với đơn vị NT2, NT4 mủ nguyên liệu đăng ký chứng chỉ FSC 100%. 2. Đối với đơn vị NT1, NT3: Phân định mủ nguyên liệu theo Phụ lục PL/QT/KT08-01 và PL/QT/KT08-02.
2	<b>Ghi nhận nghiệm thu mủ hàng ngày</b>  2.1 Biên báo bãi giao nhận mủ: - Thực hiện cắm biển báo bãi mủ tại NT1, NT3 cụ thể: + Đối với các Tổ sản xuất có nguồn nguyên liệu mủ không đăng ký FSC. + Đối với các Tổ sản xuất có cả mủ FSC và mủ không FSC. - NT2, NT4: mủ FSC 100% nên không có biển báo bãi mủ ngoài vườn cây. - Quy cách các Biển báo:  <div style="display: flex; justify-content: space-around;"> <div data-bbox="379 1164 853 1720"> <p style="text-align: center;"><b>BIỂN BÁO BÃI MỦ FSC</b></p> </div> <div data-bbox="890 1164 1364 1720"> <p style="text-align: center;"><b>BIỂN BÁO BÃI MỦ KHÔNG FSC</b></p> </div> </div>
2.2	Hồ sơ nghiệm thu mủ: Sổ theo dõi sản lượng khai thác mủ cao su.  Sử dụng biểu mẫu BM/QT/KT06-01 để nghiệm thu mủ nước và mủ chén hàng ngày, có dấu nhận dạng FM và No FM đóng ở ngoài bì đối với sổ giao nhận mủ có chứng chỉ FSC và sổ giao nhận mủ không FSC.



**QUY TRÌNH**  
**KIỂM SOÁT CHUỖI HÀNH TRÌNH**  
**SẢN PHẨM MỦ FM/CoC**

Mã số : QT/KT08  
Ngày BH: 15/5/2024  
Lần BH : 01  
Trang : 5 | 6

TT	Nội dung
<b>3</b>	<b>Nhập mủ lên xe - vận chuyển mủ từ vườn cây về NMCB</b>
3.1	<p>Nhập mủ lên xe:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đối với mủ nước: quy định bồn nhập mủ tách riêng biệt đối với mủ FSC và không FSC, dùng móc ký hiệu <b>No FM</b> gắn ở cụm van xả của bồn mủ không FSC.</li><li>- Đối với mủ chén: Thùng mủ phụ được chia làm 2 ngăn, quy định ngăn phía bên Tài (ghế Tài xế) chứa mủ FSC, ngăn phía bên Phụ xe chứa mủ không FSC.</li></ul> <p>Móc ký hiệu No FM có quy cách sau:</p> <div style="text-align: center;"></div>
3.2	Viết phiếu giao nhận mủ đối với xe: sau khi nhập mủ xong, đánh dấu xe/bồn mủ không FSC, KCS Nông trường viết phiếu giao nhận mủ với lái xe về khối lượng mủ các loại trên xe theo biểu mẫu BM/HD/NM02-11. Phiếu được đóng dấu ký hiệu <b>No FM</b> cho mủ không FSC và đóng dấu <b>FM</b> cho mủ FSC.
3.3	Xe vận chuyển mủ cao su về NMCB. <ul style="list-style-type: none"><li>- Mủ được vận chuyển về nhà máy, tại bộ phận tiếp nhận của Phòng QLCL nhận phiếu giao nhận của NT với lái xe, tiến hành lấy mẫu đo đốt DRC%, xác định khối lượng từng loại mủ FSC và không FSC trên xe theo ký hiệu nhận dạng. Phân loại chất lượng mủ sau đó giao/chuyển cho bộ phận đánh đông của NMCB để xả xuống hồ theo đúng từng loại mủ FSC và không FSC.</li><li>- Quy định mủ không FSC được xả xuống hồ trước.</li></ul>
<b>4.</b>	<b>Báo cáo tổng hợp số liệu hàng ngày</b>
	Phòng KTSX NT tổng hợp chi tiết mủ FSC và không FSC theo từng Tổ SX hàng ngày, theo biểu mẫu của quy trình QT/KT06.
<b>5.</b>	<b>Chế độ kiểm tra</b>



**QUY TRÌNH**  
**KIỂM SOÁT CHUỖI HÀNH TRÌNH**  
**SẢN PHẨM MỦ FM/CoC**

Mã số : QT/KT08  
Ngày BH: 15/5/2024  
Lần BH : 01  
Trang : 6 | 6

TT	Nội dung
5.1	<b>Phòng KT-SX Nông trường:</b> tần suất kiểm tra hàng tuần. Trong điều kiện bình thường hoặc bất thường kết quả kiểm tra thể hiện thông qua biên bản giám sát chuỗi hành trình sản phẩm mủ FM/CoC.
5.2	<b>Phòng KT-SX Công ty:</b> tần suất kiểm tra 1 quý 1 lần thông qua biên bản giám sát chuỗi hành trình sản phẩm mủ FM/CoC.